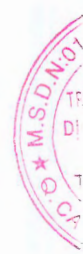


**BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
ĐÃ ĐƯỢC SOÁT XÉT**
của **CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU**

Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

kèm theo

**BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT
CỦA KIỂM TOÁN VIÊN**



NỘI DUNG

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2-5
Báo cáo kết quả công tác soát xét	6-7
Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã được soát xét	8-28
Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ	8-11
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ	12
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ	13
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc	13-28

S22
C
ÀGH
DH
KÊ
Ư
/G

BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần Nhựa Hamico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548, đăng ký thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 06 năm 2014, lĩnh vực hoạt động kinh doanh của Công ty gồm:

- Sản xuất sản phẩm từ plastic ;
- Khai thác quặng sắt ;
- Vận tải hành khách bằng đường bộ trong nội thành, ngoại thành trừ vận tải bằng xe buýt ;
- Vận tải hành khách đường bộ khác ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường bộ ;
- Đại lý môi giới, đấu giá. Chi tiết : Đại lý mua bán, ký gửi hàng hóa ;
- Buôn bán vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng ;
- Bán buôn kim loại và quặng kim loại. Chi tiết : mua bán sắt, thép ;
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết : Mua bán và chế biến than các loại, Mua bán xăng dầu, khí dầu mỏ hóa lỏng và các sản phẩm liên quan.
- Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét ;
- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác ;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khai thác mỏ và quặng khác ;
- Vận tải hàng hóa bằng đường thủy nội địa ;
- Bốc xếp hàng hóa ;
- Sản xuất vôi, xi măng, thạch cao ;
- Sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao ;
- Chuẩn bị mặt bằng ;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động ;
- Đại lý du lịch ;
- Sản xuất kinh doanh và in ấn các loại bao bì, các loại sản phẩm có nguồn gốc từ nhựa và hạt nhựa ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu nhựa, giấy và sản phẩm từ nhựa, giấy ;
- Sản xuất, kinh doanh các loại máy móc, thiết bị ngành nhựa, dệt may, bao bì ;
- Sản xuất, kinh doanh mua bán các loại chỉ may, các loại chỉ may, các loại dây đai tròn, xuất chỉ...
- Xây dựng công trình : dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, công trình có điện áp dưới 35KV ;
- Kinh doanh vận tải hàng hóa, vận chuyển hành khách du lịch ;
- Sửa chữa, bảo dưỡng cải tạo các phương tiện vận chuyển ;
- Khai thác, chế biến khoáng sản. Đại lý mua bán ký gửi hàng hóa;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu khoáng sản và hóa chất trừ hóa chất nhà nước cấm ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu : máy, thiết bị công nghiệp, quặng kim loại các loại ;
- Chế tạo gia công cơ khí, rút sợi : thép, đồng, nhôm ;

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Quang Trung, thành phố Phù Lý, tỉnh Hà Nam.

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Phường Quang Trung, TP. Phú Lý, tỉnh Hà Nam

Công ty có công ty con sau:

Tên	Địa chỉ
Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	Đức Thông, Xã Chân Lý, huyện Lý Nhân, huyện Hà Nam

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548 ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Công ty là: 156.880.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*).

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG

Lợi nhuận sau thuế cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 là 1.692.976.488 VND.

Lợi nhuận sau thuế lũy kế chưa phân phối đến thời điểm ngày 30/06/2014 là 19.054.494.853 VND.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ngoài sự kiện đã được trình bày tại Thuyết minh số VIII.2, không có sự kiện trọng yếu nào khác xảy ra sau ngày lập Báo cáo tài chính đòi hỏi được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính hợp nhất.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên Hội đồng Quản trị & Ban Giám đốc đã điều hành Công ty trong kỳ và đến ngày lập báo cáo này gồm :

Hội đồng Quản trị

Ông : Vũ Minh Thành	Chủ tịch	(Miễn nhiệm ngày 27/06/2014)
Ông : Nguyễn An Thạnh	Chủ tịch	(Bỏ nhiệm ngày 27/06/2014)
Ông : Hoàng Văn Chung	Thành viên	
Ông : Bùi Đỗ Phương	Thành viên	
Ông : Đào Đình Kiên	Thành viên	
Ông : Nguyễn Công Khanh	Thành viên	

Ban Giám đốc

Ông : Hoàng Văn Chung	Tổng Giám đốc	(Miễn nhiệm ngày 26/06/2014)
Ông : Lê Đức Dũng	Tổng Giám đốc	(Bỏ nhiệm ngày 26/06/2014)
Ông : Đào Đình Kiên	P. Tổng Giám đốc	

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong kỳ. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;

CÔNG TY CỔ PHẦN KHOÁNG SẢN LUYỆN KIM MÀU

Địa chỉ: Phường Quang Trung, TP. Phú Lý, tỉnh Hà Nam

- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định có liên quan hiện hành;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

Hà Nam, ngày 31 tháng 07 năm 2014.

Phê duyệt các báo cáo tài chính

Chúng tôi, Hội đồng Quản trị Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 của Công ty.

Hà Nam, ngày 31 tháng 07 năm 2014

TM. Hội đồng Quản trị
Chủ tịch HĐQT



Nguyễn An Thạnh

TM. Ban Tổng Giám đốc
Tổng Giám đốc

Lê Đức Dũng



Số: 123 /2014/BCKT-TC/AAT

BÁO CÁO KẾT QUẢ CÔNG TÁC SOÁT XÉT

Về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014
của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu

**Kính gửi: Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu**

Chúng tôi, Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu được lập ngày 31/07/2014 gồm: Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ và Bản thuyết minh báo cáo tài chính hợp nhất chọn lọc cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014 được trình bày từ trang 08 đến trang 28 kèm theo.

Việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này thuộc trách nhiệm của Ban Giám đốc Công ty. Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra Báo cáo nhận xét về Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ này dựa trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi.

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam về công việc soát xét. Chuẩn mực này yêu cầu công việc soát xét phải lập kế hoạch và thực hiện để có sự đảm bảo vừa phải rằng Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ không còn chứa đựng các sai sót trọng yếu. Công việc soát xét bao gồm chủ yếu là việc trao đổi với nhân sự của Công ty và áp dụng các thủ tục phân tích trên những thông tin tài chính; công việc này cung cấp một mức độ đảm bảo thấp hơn công việc kiểm toán. Chúng tôi không thực hiện công việc kiểm toán nên cũng không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Như đã trình bày tại Thuyết minh số V.13, khoản đầu tư của Công ty vào Công ty Cổ phần Tài Nguyên Sài Gòn với giá trị là 30 tỷ đồng, chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản đầu tư này tại ngày 30/06/2014 vì chúng tôi không thể tiếp cận với thông tin tài chính và báo cáo tài chính của công ty được đầu tư. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Tại ngày 30/06/2014, Công ty chưa tiến hành đánh giá và xác định giá trị cần phải trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho, với những tài liệu hiện có tại Công ty chúng tôi không thể thu thập được đầy đủ bằng chứng kiểm toán thích hợp về giá trị ghi sổ của khoản hàng tồn kho này tại ngày 30/06/2014. Do đó, chúng tôi không thể xác định liệu có cần thiết phải điều chỉnh các số liệu này hay không.

Trên cơ sở công việc soát xét của chúng tôi, ngoại trừ các vấn đề nêu trên và ảnh hưởng của chúng (nếu có), không thấy có sự kiện nào để chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ đính kèm theo đây không phản ánh trung thực và hợp lý trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu tại ngày 30 tháng 06 năm 2014, cũng như kết quả kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014, phù hợp với chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam hiện hành và các Quy định kế toán có liên quan.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính hợp nhất 6 tháng đầu năm 2013 của Công ty chưa được soát xét và Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2013 của Công ty được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác.

Hà Nội, ngày 29 tháng 08 năm 2014

**CÔNG TY TNHH DỊCH VỤ KIỂM TOÁN,
KẾ TOÁN VÀ TƯ VẤN THUẾ AAT**

Phó Giám đốc



Nguyễn Xuân Hòa

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 0909-2013-141-1

Kiểm toán viên

Nguyễn Đại Hùng

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số: 1000-2013-141-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		66.315.738.215	62.680.764.758
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110		3.419.400.169	396.961.127
1. Tiền	111	V.01	3.419.400.169	396.961.127
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		15.200.000.000	24.049.000.000
1. Đầu tư ngắn hạn	121	V.02	15.200.000.000	24.049.000.000
2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		3.072.811.989	9.683.138.685
1. Phải thu khách hàng	131		1.653.390.229	9.361.239.240
2. Trả trước cho người bán	132		1.821.920.010	156.203.250
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Các khoản phải thu khác	135	V.03	-	568.194.445
6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139		(402.498.250)	(402.498.250)
IV. Hàng tồn kho	140		44.378.905.804	28.473.755.780
1. Hàng tồn kho	141	V.04	44.378.905.804	28.473.755.780
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149		-	-
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		244.620.253	77.909.166
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		30.000.000	77.909.166
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		214.620.253	-
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.05	-	-
4. Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		147.681.365.384	156.334.139.770
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		-	-
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3. Phải thu dài hạn nội bộ	213	V.06	-	-
4. Phải thu dài hạn khác	218	V.07	-	-
5. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
II. Tài sản cố định	220		106.568.391.608	114.042.409.012
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	106.568.391.608	114.042.409.012
- Nguyên giá	222		136.967.193.719	136.967.193.719
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(30.398.802.111)	(22.924.784.707)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.09	-	-
- Nguyên giá	225		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế	226		-	-
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.10	-	-
4. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.11	-	-
III. Bất động sản đầu tư	240	V.12	-	-
- Nguyên giá	241		-	-
- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV. Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250	V.13	30.000.000.000	30.800.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252		-	30.800.000.000
3. Đầu tư dài hạn khác	258		30.000.000.000	-
4. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V. Tài sản dài hạn khác	260		11.068.992.474	11.445.162.320
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.14	11.068.992.474	11.445.162.320
2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.21	-	-
VI. Lợi thế thương mại	269	V.15	43.981.302	46.568.438
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		213.997.103.599	219.014.904.528

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Tại ngày 30 tháng 06 năm 2014

(tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A. NỢ PHẢI TRẢ	300		38.062.608.746	44.773.386.163
I. Nợ ngắn hạn	310		29.239.074.386	32.420.440.863
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	V.16	19.052.580.764	19.051.038.903
2. Phải trả người bán	312		6.344.738.981	5.995.514.720
3. Người mua trả tiền trước	313		3.084.367.943	3.042.620.966
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.17	269.553.797	3.862.607.557
5. Phải trả người lao động	315		389.906.000	407.961.000
6. Chi phí phải trả	316	V.18	97.926.901	60.697.717
7. Phải trả nội bộ	317		-	-
9. Các khoản phải trả, phải nộp khác	319	V.19	-	-
10. Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		-	-
II. Nợ dài hạn	330		8.823.534.360	12.352.945.300
1. Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2. Phải trả dài hạn nội bộ	332	V.20	-	-
3. Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4. Vay và nợ dài hạn	334	V.21	8.823.534.360	12.352.945.300
5. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	V.22	-	-
6. Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7. Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
9. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339		-	-
B. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		175.934.494.853	174.241.518.365
I. Vốn chủ sở hữu	410		175.934.494.853	174.241.518.365
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	V.23	156.880.000.000	156.880.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		-	-
3. Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4. Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7. Quỹ đầu tư phát triển	417		-	-
8. Quỹ dự phòng tài chính	418		-	-
10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		19.054.494.853	17.361.518.365
11. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421		-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	432	V.24	-	-
C. LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ	439		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		213.997.103.599	219.014.904.528

BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Mã số	Thuyết minh	Kỳ này	Kỳ trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.26	14.445.160.573	38.349.501.774
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VI.27	-	-
3. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.28	14.445.160.573	38.349.501.774
4. Giá vốn hàng bán	11	VI.29	8.628.731.312	19.390.061.005
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		5.816.429.261	18.959.440.769
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.30	661.959.085	380.762.564
7. Chi phí tài chính	22	VI.31	1.989.075.147	2.046.688.548
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		1.989.075.147	2.046.688.548
8. Chi phí bán hàng	24		1.343.598.017	618.040.746
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		1.156.636.617	869.239.538
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		1.989.078.565	15.806.234.501
11. Thu nhập khác	31		988.649.466	-
12. Chi phí khác	32		1.284.751.543	1.100.000
13. Lợi nhuận khác	40		(296.102.077)	(1.100.000)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		1.692.976.488	15.805.134.501
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành (*)	51	VI.32	-	112.968.920
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52	VI.33	-	-
17. Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		1.692.976.488	15.692.165.581
Lợi ích cổ đông thiểu số			-	-
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ			1.692.976.488	15.692.165.581
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (*)	V.23		108	1.000

Hà Nam, ngày 31 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng




Tạ Mỹ Dung

Tạ Mỹ Dung



BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
(Theo phương pháp trực tiếp)
6 tháng đầu năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chi tiêu	Mã số	TM	Kỳ này	Kỳ trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		24.321.171.441	33.118.100.301
2. Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(21.221.608.991)	(37.821.680.606)
3. Tiền chi trả cho người lao động	03		(2.643.005.900)	(3.755.871.744)
4. Tiền chi trả lãi vay	04		(2.011.845.963)	(2.039.566.832)
5. Tiền chi nộp thuế thu nhập doanh nghiệp	05		(2.621.913.022)	-
6. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		830.502.195	67.500.000
7. Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(981.642.974)	(350.524.720)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(4.328.343.214)	(10.782.043.601)
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		-	(182.700.000)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		-	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		8.849.000.000	7.987.000.000
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(30.000.000.000)	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		30.800.000.000	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		1.229.651.335	515.068.772
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	20		10.878.651.335	8.319.368.772
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		11.993.758.884	6.741.768.423
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(15.521.627.963)	(4.079.410.940)
5. Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(3.527.869.079)	2.662.357.483
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		3.022.439.042	199.682.654
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		396.961.127	88.355.996
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70 VII		3.419.400.169	288.038.650

Hà Nam, ngày 31 tháng 07 năm 2014

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tạ Mỹ Dung

Tạ Mỹ Dung



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT CHỌN LỌC Cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2014 đến ngày 30/06/2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG DOANH NGHIỆP

1. Công ty mẹ

Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu tiền thân là Công ty Cổ phần Nhựa Hamico được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548, đăng ký lần đầu ngày 03 tháng 08 năm 2009, thay đổi lần 4 ngày 26 tháng 06 năm 2014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp.

Trụ sở chính của Công ty tại Phường Quang Trung, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0700382548 ngày 26 tháng 06 năm 2014 của Công ty là: 156.880.000.000 đồng (*Bằng chữ: Một trăm năm mươi sáu tỷ, tám trăm tám mươi triệu đồng chẵn*).

2. Công ty con

Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (“Công ty con”) tiền thân là Công ty TNHH MTV VLXD Hamico II được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700516590 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Nam cấp ngày 22 tháng 11 năm 2010, đăng kí thay đổi lần 03 ngày 28 tháng 02 năm 2014.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0700516590, đăng ký thay đổi lần thứ 3 ngày 28 tháng 02 năm 2014 của Công ty là: 90.000.000.000 đồng (*Bằng chữ: Chín mươi tỷ đồng chẵn*).

Trụ sở chính của Công ty tại xóm 6- Đức Thông- xã Chân Lý- huyện Lý Nhân- tỉnh Hà Nam.

Tỷ lệ sở hữu và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty mẹ đối với Công ty con tại ngày 30/06/2014:

	Tỷ lệ sở hữu (%)	Tỷ lệ quyền biểu quyết (%)
Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng	100%	100%

3. Công ty liên kết

Công ty Cổ phần Phát triển Việt Đô Hamico (“Công ty liên kết”), tỷ lệ sở hữu 25%, tỷ lệ quyền biểu quyết là 25%. Đến ngày 30/06/2014, Công ty mẹ đã thanh lý toàn bộ khoản đầu tư vào công ty liên kết này.

II. KỲ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Kỳ kế toán

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng Chế độ Kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/3/2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31/12/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán doanh nghiệp.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chung.

4. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu bao gồm Báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu và công ty con hạch toán độc lập do Công ty sở hữu và nắm quyền kiểm soát. Quyền kiểm soát tồn tại trên cơ sở quyền lực, trực tiếp hay gián tiếp, quy định các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp để thu được lợi nhuận từ các hoạt động kinh doanh. Báo cáo của công ty con sẽ tổng hợp từ ngày sự kiểm soát bắt đầu hiệu lực cho đến ngày kết thúc hiệu lực kiểm soát.

Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ của Công ty được lập trên cơ sở cộng gộp các chỉ tiêu trên báo cáo tài chính riêng giữa niên độ của Công ty và Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (công ty con) sau khi loại trừ các khoản doanh thu, chi phí và các khoản công nợ phải thu, phải trả nội bộ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời gian đáo hạn không quá 03 tháng kể từ ngày mua có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành các lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền.

Các nghiệp vụ kinh tế phát sinh bằng ngoại tệ được quy đổi ra đồng Việt Nam theo tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh nghiệp vụ. Tại thời điểm cuối kỳ các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ được quy đổi theo tỷ giá giao dịch bình quân của các ngân hàng thương mại Công ty có mở tài khoản công bố vào ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá thực tế phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối kỳ được kết chuyển vào doanh thu hoặc chi phí tài chính trong kỳ tài chính.

2. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

a) Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải ghi nhận theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc của hàng tồn kho mua ngoài bao gồm giá mua, các loại thuế không được hoàn lại, chi phí vận chuyển, bốc xếp, bảo quản trong quá trình mua hàng và các chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc mua hàng tồn kho.

Giá gốc của hàng tồn kho do đơn vị tự sản xuất bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung cố định và chi phí sản xuất chung biến đổi phát sinh trong quá trình chuyển hóa nguyên liệu, vật liệu thành thành phẩm.

Những chi phí không được ghi nhận vào giá gốc của hàng tồn kho:

- Các khoản chiết khấu thương mại và giảm giá hàng mua do hàng mua không đúng quy cách, phẩm chất;

- Chi phí nguyên vật liệu, chi phí nhân công và các chi phí sản xuất kinh doanh khác phát sinh trên mức bình thường;
- Chi phí bảo quản hàng tồn kho trừ các chi phí bảo quản hàng tồn kho cần thiết cho quá trình sản xuất tiếp theo và chi phí bảo quản hàng tồn kho phát sinh trong quá trình mua hàng;
- Chi phí bán hàng;
- Chi phí quản lý doanh nghiệp.

b) Phương pháp tính giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

c) Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

d) Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập vào thời điểm cuối năm là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất kinh doanh bình thường trừ (-) chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Việc lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho được thực hiện trên cơ sở từng mặt hàng tồn kho. Tăng hoặc giảm khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho được kết chuyển vào giá vốn hàng bán trong năm.

3. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình được ghi nhận theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng, được quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 04 năm 2013 của Bộ Tài chính. Thời gian khấu hao được ước tính như sau:

- Nhà cửa, vật kiến trúc	20-25 năm
- Máy móc thiết bị	10-15 năm
- Phương tiện vận tải	10-12 năm

4. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty con, công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty con, công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

Khoản đầu tư vào công ty liên doanh được kế toán theo phương pháp giá gốc. Khoản vốn góp liên doanh không điều chỉnh theo thay đổi của phần sở hữu của công ty trong tài sản thuần của công ty liên doanh. Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty phản ánh khoản thu nhập được chia từ lợi nhuận thuần lũy kế của Công ty liên doanh phát sinh sau khi góp vốn liên doanh.

Hoạt động liên doanh theo hình thức Hoạt động kinh doanh đồng kiểm soát và Tài sản đồng kiểm soát được Công ty áp dụng nguyên tắc kế toán chung như với các hoạt động kinh doanh thông thường khác.

Trong đó:

- Công ty theo dõi riêng các khoản thu nhập, chi phí liên quan đến hoạt động liên doanh và thực hiện phân bổ cho các bên trong liên doanh theo hợp đồng liên doanh;
- Công ty theo dõi riêng tài sản góp vốn liên doanh, phần vốn góp vào tài sản đồng kiểm soát và các khoản công nợ chung, công nợ riêng phát sinh từ hoạt động liên doanh.

Các khoản đầu tư chứng khoán tại thời điểm báo cáo, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua khoản đầu tư đó được coi là " các khoản tương đương tiền";
- Có thời hạn thu hồi vốn đến 1 năm hoặc trong 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản ngắn hạn;

• Có thời hạn thu hồi vốn trên 1 năm hoặc hơn 1 chu kỳ kinh doanh được phân loại là tài sản dài hạn. Các khoản đầu tư cổ phiếu và góp vốn dài hạn được kế toán theo nguyên tắc giá gốc. Tại thời điểm 30/06/2014, việc xem xét trích lập dự phòng với các khoản đầu tư này được dựa trên cơ sở tình hình tài chính của các doanh nghiệp nhận góp vốn.

5. Nguyên tắc ghi nhận và vốn hoá các khoản chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ khi phát sinh, trừ chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá) khi có đủ các điều kiện quy định trong Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 16 “Chi phí đi vay”.

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang được tính vào giá trị của tài sản đó (được vốn hoá), bao gồm các khoản lãi tiền vay, phân bổ các khoản chiết khấu hoặc phụ trội khi phát hành trái phiếu, các khoản chi phí phụ phát sinh liên quan tới quá trình làm thủ tục vay.

6. Nguyên tắc ghi nhận và phân bổ chi phí trả trước

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn và được tính vào chi phí sản xuất kinh doanh trong năm tài chính

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Chi phí công cụ dụng cụ chờ phân bổ
- Chi phí giải phóng mặt bằng của nhà máy gạch tuynel (phân bổ trong thời gian 30 năm);

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

7. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Chi phí phải trả là những khoản phải trả cho các chi phí đã phát sinh nhưng chưa trả, cụ thể số dư chi phí phải trả tại ngày 30/06/2014 là chi phí kiểm toán, chi phí lãi vay phải trả nhưng chưa trả.

8. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/ hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối là số lợi nhuận từ các hoạt động của doanh nghiệp sau khi trừ (-) các khoản điều chỉnh do áp dụng hồi tố thay đổi chính sách kế toán và điều chỉnh hồi tố sai sót trọng yếu của các năm trước.

9. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa đã được chuyển giao cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng;
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng;

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (2) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Cổ tức, lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn;

10. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính gồm:

- Chi phí hoặc các khoản lỗ liên quan đến các hoạt động đầu tư tài chính;
- Chi phí đi vay vốn;
- Các khoản lỗ do thay đổi tỷ giá hối đoái của các nghiệp vụ phát sinh liên quan đến ngoại tệ;

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong kỳ, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

11. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

12. Nguyên tắc ghi nhận các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

a) Nguyên tắc ghi nhận

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác tại thời điểm báo cáo nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán đến 1 năm (hoặc trong một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên 1 năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là tài sản dài hạn.

b) Lập dự phòng phải thu khó đòi

13. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại trên báo cáo tài chính hợp nhất là phần phụ trội giữa mức giá phí hợp nhất kinh doanh so với phần lợi ích của Công ty trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết, hoặc đơn vị góp vốn liên doanh tại ngày thực hiện nghiệp vụ đầu tư. Lợi thế thương mại được coi là một loại tài sản vô hình, được tính khấu hao theo phương pháp đường thẳng trên thời gian hữu dụng ước tính của lợi thế thương mại đó là 10 năm.

14. Công cụ tài chính

a) Tài sản tài chính

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06 tháng 11 năm 2009, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn và tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Các tài sản tài chính của công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, các công cụ tài chính được niêm yết, không được niêm yết.

b) Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của công ty gồm các khoản phải trả người bán, các khoản phải trả khác, nợ và vay.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

15. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh dựa trên cơ cấu tổ chức và quản lý nội bộ và hệ thống Báo cáo tài chính nội bộ của Công ty.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện kim Màu (Công ty mẹ) tạm thời chưa có doanh thu và Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (công ty con) chỉ bán thành phẩm là gạch nên Công ty không tiến hành lập báo cáo theo bộ phận kinh doanh.

Hoạt động của Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng (công ty con) trong kỳ bán thành phẩm gạch ở khu vực Hà Nam nên Công ty không tiến hành lập báo cáo theo khu vực địa lý.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CĐKT

1 . TIỀN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Tiền mặt	3.403.935.392	144.566.346
Tiền gửi ngân hàng	15.464.777	252.394.781
Cộng	3.419.400.169	396.961.127

2 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND Giá trị	Số đầu năm VND Giá trị
Đầu tư ngắn hạn khác	15.200.000.000	24.049.000.000
- Cho vay ngắn hạn		24.049.000.000
- Bà Nguyễn Thị Nhung	-	1.700.000.000
- Ông Đặng Quang Tùng	-	299.000.000
- Ông Phan Tiến Dũng	1.800.000.000	2.300.000.000
- Bà Phạm Thị Hải	1.400.000.000	1.400.000.000
- Ông Lê Văn Quang	1.400.000.000	1.400.000.000
- Ông Nguyễn Văn Hạnh	2.200.000.000	2.200.000.000
- Bà Đỗ Thị Mai	500.000.000	500.000.000
- Bà Nguyễn Thị Yến	1.900.000.000	1.900.000.000
- Bà Trương Thị Xuyên	1.500.000.000	2.054.000.000
- Bà Tống Thị Hằng	2.000.000.000	2.000.000.000
- Bà Nguyễn Thị Huệ	-	186.000.000
- Bà Vũ Hồng Cẩm	2.500.000.000	2.500.000.000
- Ông Nguyễn Ngọc Phan	-	3.600.000.000
- Bà Lê Quang Hải	-	2.010.000.000
Cộng	15.200.000.000	24.049.000.000

Đây là các khoản cho cán bộ công nhân viên vay có thời hạn 1 năm, lãi suất vay 11%/năm, toàn bộ giao dịch cho vay và trả nợ vay đều bằng tiền mặt.

3 . CÁC KHOẢN PHẢI THU NGẮN HẠN KHÁC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Phải thu khác	-	568.194.445
Cộng	-	568.194.445

4 . HÀNG TỒN KHO

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nguyên liệu, vật liệu	17.493.623.298	11.576.250.140
Công cụ, dụng cụ	125.600.000	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	434.547.200	3.518.828.479
Thành phẩm	25.224.426.986	12.277.968.841
Hàng hóa	1.100.708.320	1.100.708.320
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	44.378.905.804	28.473.755.780

5 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU NHÀ NƯỚC

6 . PHẢI THU NỘI BỘ

7 . PHẢI THU DÀI HẠN KHÁC

8 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH HỮU HÌNH

Đơn vị tính: VND

	Nhà cửa vật kiến trúc	Máy móc thiết bị	Phương tiện vận tải	Thiết bị, dụng cụ QL	Cộng
Nguyên giá					
Số dư đầu năm	91.288.660.110	25.763.231.990	19.915.301.619	-	136.967.193.719
Số tăng trong năm	-	-	-	-	-
- Mua trong năm	-	-	-	-	-
- Tặng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	91.288.660.110	25.763.231.990	19.915.301.619	-	136.967.193.719
Giá trị hao mòn lũy kế					
Số dư đầu năm	14.359.401.535	3.875.007.676	4.690.375.496	-	22.924.784.707
Số tăng trong năm	4.645.961.584	1.386.230.014	1.441.825.806	-	7.474.017.404
- Khấu hao trong năm	4.645.961.584	1.386.230.014	1.441.825.806	-	7.474.017.404
- Tặng khác	-	-	-	-	-
Số giảm trong năm	-	-	-	-	-
- Chuyển sang BĐS đ.tư	-	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm	19.005.363.119	5.261.237.690	6.132.201.302	-	30.398.802.111
Giá trị còn lại					
Tại ngày đầu năm	76.929.258.575	21.888.224.314	15.224.926.123	-	114.042.409.012
Tại ngày cuối năm	72.283.296.991	20.501.994.300	13.783.100.317	-	106.568.391.608

9 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH THUÊ TÀI CHÍNH

10 . TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CÓ ĐỊNH VÔ HÌNH

11 . CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

12 . TĂNG, GIẢM BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ

13 . CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị VND	Số lượng	Giá trị VND
b. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	-	-	250.000	2.500.000.000
- Công ty Cổ phần Phát triển Việt	-	-	250.000	2.500.000.000
<i>Đô Hamico - tỷ lệ sở hữu 25%</i>				
c. Đầu tư dài hạn khác		30.000.000.000		28.300.000.000
- Công ty CP Phát triển Việt Đô		-		14.500.000.000
- Công ty CP Khoáng sản Phi Kim		-		13.800.000.000
- Công ty CP Tài Nguyên Sài Gòn (*)		30.000.000.000		-
Cộng		30.000.000.000		30.800.000.000

(*) Tại thời điểm ngày 30/06/2014, Công ty không tiến hành đánh giá và xác định giá trị cần phải trích lập dự phòng giảm giá của khoản đầu tư này.

14 . CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Chi phí công cụ, dụng cụ chờ phân bổ	269.289.452	452.031.784
Chi phí giải phóng mặt bằng của nhà máy gạch Tuynel	10.799.703.022	10.993.130.536
Cộng	11.068.992.474	11.445.162.320

15 . LỢI THẾ THƯƠNG MẠI

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Nguyên giá	51.742.709	51.742.709
Giá trị hao mòn lũy kế	(7.761.407)	(5.174.271)
Giá trị còn lại	43.981.302	46.568.438

16 . VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay ngắn hạn	19.052.580.764	19.051.038.903
- Vay ngân hàng	19.052.580.764	19.051.038.903
+ Vay ngân hàng PG Bank (*)	-	11.992.217.023
+ Vay ngân hàng PG Bank (**)	11.993.758.884	-
- Nợ dài hạn đến hạn trả (***)	7.058.821.880	7.058.821.880
Cộng	19.052.580.764	19.051.038.903

(*)Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - PG Bank theo Hợp đồng tín dụng số 106.12.0221/HĐHM/NH-PN/PGBHN ngày 06/05/2013 với tổng hạn mức tín dụng được cấp là 12 tỷ đồng, hợp đồng tín dụng được thực hiện theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng khế ước vay, thời hạn vay là 12 tháng, hình thức đảm bảo là thế chấp tài sản.

(**)Vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex - PG Bank theo Hợp đồng tín dụng số 106.14.0442/HĐHM/NH-PN/PGBHN ngày 22/05/2013 với tổng hạn mức tín dụng được cấp là 12 tỷ đồng, hợp đồng tín dụng được thực hiện theo từng lần nhận nợ, lãi suất vay theo từng khế ước vay, thời hạn vay là 12 tháng, hình thức đảm bảo là thế chấp tài sản.

(***) Vay trung hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex- PG Bank theo hợp đồng tín dụng số 29/2011/HĐTD/PGB-HO ngày 12/08/2011 với tổng hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 22%/ năm tại thời điểm giải ngân, hình thức đảm bảo là thế chấp tài sản.

17 . THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng	126.528.797	178.375.471
Thuế thu nhập doanh nghiệp	-	3.610.562.086
Thuế thu nhập cá nhân	-	-
Cộng	269.553.797	3.862.607.557

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

18 . CHI PHÍ PHẢI TRẢ

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Lãi vay phải trả	37.926.901	60.697.717
Chi phí kiểm toán phải trả Công ty TNHH Dịch vụ Kiểm toán, Kế toán & Tư vấn Thuế AAT	60.000.000	-
Cộng	97.926.901	60.697.717

19 . CÁC KHOẢN PHẢI TRẢ, PHẢI NỘP NGẮN HẠN KHÁC

20 . PHẢI TRẢ DÀI HẠN NỘI BỘ

21 . VAY DÀI HẠN VÀ NỢ DÀI HẠN

	Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
Vay dài hạn	8.823.534.360	12.352.945.300
- Vay ngân hàng(*)	8.823.534.360	12.352.945.300
Cộng	8.823.534.360	12.352.945.300

(***) Vay trung hạn Ngân hàng TMCP Xăng dầu Petrolimex- PG Bank theo hợp đồng tín dụng số 29/2011/HĐTD/PGB-HO ngày 12/08/2011 với tổng hạn mức tín dụng là 30 tỷ đồng, mục đích vay là đầu tư xây dựng nhà máy gạch Tuynel, thời hạn vay là 60 tháng, lãi suất cho vay là 22%/ năm tại thời điểm giải ngân, hình thức đảm bảo là thế chấp tài sản.

22 . TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI VÀ THUẾ THU NHẬP HOÃN LẠI PHẢI TRẢ

23. VỐN CHỦ SỞ HỮU

a, Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Đơn vị tính: VND

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
Số dư đầu năm trước	156.880.000.000	-	-	-	1.743.304.449	158.623.304.449
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	-	15.618.213.916	15.618.213.916
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	156.880.000.000	-	-	-	17.361.518.365	174.241.518.365
Tăng vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Lãi trong năm nay	-	-	-	-	1.692.976.488	1.692.976.488
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Giảm vốn trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Chia cổ tức năm 2013	-	-	-	-	-	-
Lỗ trong năm nay	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm nay	156.880.000.000	-	-	-	19.054.494.853	175.934.494.853

b, Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ VND	%	Số đầu năm VND	%
Vốn góp của Nhà nước	-	0%	-	0%
Vốn góp của các đối tượng khác	156.880.000.000	100%	156.880.000.000	100%
- Do pháp nhân nắm giữ	39.580.000.000		39.580.000.000	
- Do thể nhân nắm giữ	117.300.000.000		117.300.000.000	
Cộng	156.880.000.000		156.880.000.000	

c) Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Kỳ này	Kỳ trước
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
- Vốn góp đầu kỳ	156.880.000.000	156.880.000.000
- Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
- Vốn góp giảm trong kỳ		
- Vốn góp cuối kỳ	156.880.000.000	156.880.000.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d) Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.688.000	15.688.000
Số lượng cổ phiếu đã phát hành & góp vốn đầy đủ	15.688.000	15.688.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.688.000	15.688.000
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- Cổ phiếu phổ thông		
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	15.688.000	15.688.000
- Cổ phiếu phổ thông	15.688.000	15.688.000
* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành:		10.000 đồng

e) Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế	1.692.976.488	15.692.165.581
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu		
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông	1.692.976.488	15.692.165.581
Cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong năm	15.688.000	15.688.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	108	1.000

24 . NGUỒN KINH PHÍ

25 . TÀI SẢN THUÊ NGOÀI

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG KQHĐKD

26 . TỔNG DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu bán hàng	14.445.160.573	38.349.501.774
Cộng	14.445.160.573	38.349.501.774

27 . CÁC KHOẢN GIẢM TRỪ DOANH THU

28 . DOANH THU THUẬN VỀ BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Doanh thu thuần sản phẩm, hàng hoá	14.445.160.573	38.349.501.774
Cộng	14.445.160.573	38.349.501.774

29 . GIÁ VỐN HÀNG BÁN

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Giá vốn của sản phẩm, hàng hoá đã bán	8.628.731.312	19.390.061.005
Cộng	8.628.731.312	19.390.061.005

30 . DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	661.959.085	329.019.855
Hoàn nhập dự phòng đầu tư tài chính		51.742.709
Cộng	661.959.085	380.762.564

31 . CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước
Lãi tiền vay	1.989.075.147	2.046.688.548
Cộng	1.989.075.147	2.046.688.548

32 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

	Kỳ này VND	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.692.976.488	15.805.134.501
Thuế suất thuế TNDN	25%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành (*)	-	112.968.920
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	-	112.968.920

(*) Do Công ty con là Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng đang trong thời gian miễn thuế TNDN và Công ty mẹ bị lỗ.

33 . CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HOÁN LẠI

34 . CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Kỳ này VND	Kỳ trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	14.773.239.733	10.182.098.138
Chi phí nhân công	2.624.950.900	1.867.508.840
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.554.021.112	6.754.936.975
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.861.522.482	166.160.974
Chi phí khác bằng tiền	512.794.607	746.536.949
Cộng	27.326.528.834	19.717.241.876

35 . CÔNG CỤ TÀI CHÍNH

Đơn vị tính: VND

Các loại công cụ tài chính của Công ty

	Giá trị sổ kế toán			
	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
35.1. Tài sản tài chính				
Tiền và các khoản tương	3.419.400.169		396.961.127	
Phải thu khách hàng	1.653.390.229		9.361.239.240	
Trả trước cho người bán	1.821.920.010		156.203.250	
Phải thu khác	-		568.194.445	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	15.200.000.000		24.049.000.000	
Đầu tư tài chính dài hạn	30.000.000.000		30.800.000.000	
Cộng	52.094.710.408		65.331.598.062	

35.2. Nợ phải trả tài chính

	Giá trị số kế toán	
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay và nợ ngắn hạn	19.052.580.764	19.051.038.903
Phải trả người bán	6.344.738.981	5.995.514.720
Người mua trả tiền trước	3.084.367.943	3.042.620.966
Chi phí phải trả	97.926.901	60.697.717
Phải trả khác	-	-
Vay và nợ dài hạn	8.823.534.360	12.352.945.300
Cộng	37.403.148.949	40.502.817.606

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính, ngoại trừ các khoản trích lập dự phòng nợ phải thu khó đòi và dự phòng giảm giá các khoản đầu tư chứng khoán đã được nêu chi tiết tại các Thuyết minh liên quan.

VII . THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

VIII . NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1 . Những khoản nợ tiềm tàng, khoản cam kết và những thông tin tài chính khác

2 . Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Theo nghị quyết Hội đồng Quản trị số 01/2014/NQ-HĐQT ngày 27/06/2014 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu- Công ty mẹ của Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng, Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu đã hoàn thành việc chuyển nhượng phần vốn có giá trị 70.000.000.000 đồng (Bảy mươi tỷ đồng) tương đương với 78,37% vốn góp tại Công ty TNHH Gạch Đại Hoàng cho các tổ chức, cá nhân khác vào ngày 03/07/2014.

3 . Thông tin về các bên liên quan

Các bên liên quan

- Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico là cổ đông của công ty góp 25% vốn điều lệ.
- Công ty Cổ phần Tài nguyên Sài Gòn do ông Nguyễn An Thạnh giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Trong 6 tháng đầu năm 2014, Công ty đã có các giao dịch với các bên liên quan như sau:

	Kỳ này VND	Kỳ trước
Đầu tư tài chính dài hạn	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tài nguyên Sài Gòn	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-
Mua hàng	2.055.430.000	3.331.080.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico	2.055.430.000	3.331.080.000
Cộng	2.055.430.000	3.331.080.000
<i>Số dư với các bên liên quan</i>	<i>Số cuối kỳ VND</i>	<i>Số đầu năm VND</i>
Đầu tư tài chính dài hạn	30.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tài nguyên Sài Gòn	30.000.000.000	-
Cộng	30.000.000.000	-

Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico
Cộng

1.369.226.760	1.543.796.760
1.369.226.760	1.543.796.760

Số dư với các bên liên quan (tiếp)

Ứng trước cho người bán
Công ty Cổ phần Tập đoàn Khoáng sản Hamico
Cộng

Số cuối kỳ VND	Số đầu năm VND
-	156.203.240
-	156.203.240
-	156.203.240

Tiền lương Ban Giám đốc

Tiền lương Ban Giám đốc
Cộng

Kỳ này VND	Kỳ trước VND
125.400.000	125.400.000
125.400.000	125.400.000

2. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ cho kỳ kế toán từ ngày 01/01/2013 đến ngày 30/06/2013 chưa được soát xét và báo cáo tài chính hợp nhất kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 của Công ty Cổ phần Khoáng sản Luyện Kim Màu đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Kreston ACA Việt Nam.

3. Thông tin về hoạt động liên tục

Báo cáo tài chính này được lập trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Hà Nam, ngày 31 tháng 07 năm 2014



Tạ Mỹ Dung

Tạ Mỹ Dung

